

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Nghị quyết số 98-NQ/BCSD ngày 24/5/2021 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 và những năm tiếp theo**

Thực hiện Nghị quyết số 98-NQ/BCSD ngày 24/5/2021 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 và những năm tiếp theo; UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết với các nội dung sau:

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, chất lượng thực thi chính sách, pháp luật; xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, trách nhiệm, năng động, công khai, minh bạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức, thúc đẩy triển khai các hành động, giải pháp, quyết liệt, thiết thực của các sở, ngành, địa phương trong việc đồng hành cùng doanh nghiệp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh theo hướng thông thoáng, thuận lợi vì sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tạo bút phá về điểm số và thứ hạng PCI của tỉnh Ninh Bình trong năm 2021 và những năm tiếp theo, phấn đấu nâng cao điểm chỉ số PCI nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành “khá” trở lên trên toàn quốc; tiếp tục duy trì những chỉ số thành phần có thứ hạng cao và tăng điểm đối với những chỉ số thấp điểm; cải thiện bền vững chỉ số PCI của tỉnh trong các năm tiếp theo.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Năm 2021 chỉ số PCI Ninh Bình nằm trong top 35 tỉnh, thành phố có thứ hạng cao nhất của cả nước, trong đó:

- 01/10 chỉ số thành phần: Chỉ số Đào tạo lao động có thứ hạng nằm trong top 10 của cả nước.

- 01/10 chỉ số thành phần: Chỉ số Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự có thứ hạng nằm trong top 15 của cả nước.

- 03/10 chỉ số thành phần, bao gồm: Chỉ số Chi phí không chính thức, Cạnh tranh bình đẳng và Tiếp cận đất đai có thứ hạng nằm trong top 20 của cả nước.

- 05/10 chỉ số thành phần, bao gồm: Chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, Chi phí thời gian, Tính năng động của chính quyền tỉnh, Tính minh bạch và chỉ số Gia nhập thị trường có thứ hạng nằm trong top 35 của cả nước.

b) Định hướng đến năm 2025, phấn đấu đưa thứ hạng chỉ số PCI Ninh Bình nằm trong top 20 tỉnh, thành phố cao nhất của cả nước, trong đó:

- 02/10 chỉ số thành phần, gồm: Chỉ số Đào tạo lao động, Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự có thứ hạng nằm trong top 10 của cả nước.

- 03/10 chỉ số thành phần, bao gồm: Chỉ số Chi phí không chính thức, Cạnh tranh bình đẳng, Tiếp cận đất đai có thứ hạng nằm trong top 15 của cả nước.

- 05/10 chỉ số thành phần, bao gồm: Chỉ số Chi phí thời gian, Gia nhập thị trường, Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, Tính năng động của chính quyền tỉnh, Tính minh bạch có thứ hạng nằm trong top 20 của cả nước.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ PCI TỈNH NINH BÌNH NĂM 2021 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

### **1. Nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu**

- Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố nghiêm túc quán triệt, chỉ đạo chặt chẽ và tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả điểm số, thứ hạng các chỉ số thành phần, chỉ tiêu cơ sở của chỉ số PCI cấp tỉnh mà cơ quan, đơn vị được giao là đầu mối chủ trì, theo dõi thực hiện; kết quả chấm điểm, thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương – DDCI Ninh Bình năm 2021 và các năm tiếp theo.

- Người đứng đầu các ngành, các cấp phải năng động, tiên phong trong thực hiện vai trò trách nhiệm hỗ trợ, đồng hành cùng với doanh nghiệp; linh hoạt, sáng tạo trong giải quyết công việc; duy trì gặp gỡ, đối thoại trực tiếp để nắm bắt, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình đầu tư và sản xuất kinh doanh.

- Quán triệt, chỉ đạo cấp dưới thực hiện nghiêm công tác phối hợp trong giải quyết thủ tục, kiến nghị của nhà đầu tư và doanh nghiệp nhằm tạo môi trường kinh doanh năng động, minh bạch để các nhà đầu tư và doanh nghiệp yên tâm đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

### **2. Triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ công tác cải cách thủ tục hành chính; tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương**

- Đẩy mạnh xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số hướng tới chính quyền số, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phục vụ người dân và doanh nghiệp của các cấp chính quyền. Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trên môi trường điện tử để nâng cao tính công khai, minh bạch, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

- Từng cơ quan, đơn vị tập trung rà soát, đơn giản hóa các TTHC, rút ngắn quy trình xử lý, cắt giảm thời gian thực hiện, chi phí tuân thủ TTHC, nhất là TTHC trong các lĩnh vực đầu tư, đất đai, kinh doanh.

- Tập trung rà soát, chuẩn hóa quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết các TTHC liên thông nhiều cấp, nhiều ngành thuộc các lĩnh vực đất đai, tài nguyên, đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh....; trong đó, quy định rõ thời gian, rõ trách

nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong từng bước của quy trình giải quyết TTHC. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương hoàn thành xây dựng và trình UBND tỉnh công bố Bộ chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI) trong tháng 6/2021; Tổ chức khảo sát, lấy ý kiến, thu thập dữ liệu; hoàn thành đánh giá DDCI tỉnh Ninh Bình năm 2021 trong tháng 12/2021.

- Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã đáp ứng lộ trình và yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số hướng tới chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

### **3. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp; xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch**

- Công khai, minh bạch các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, nhất là quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng,... định hướng thu hút đầu tư, danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư, các quy định, chính sách liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

- Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc cung cấp các dịch vụ phát triển kinh doanh; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, pháp luật trong lĩnh vực doanh nghiệp nói riêng tới các chủ thể thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối thoại giữa chính quyền và doanh nghiệp ở các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở; đa dạng hoá các hình thức đối thoại, chủ động tiếp thu, nắm bắt nhanh chóng khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư,... để có các giải pháp hỗ trợ kịp thời.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động, tính minh bạch Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các Cổng/trang thông tin điện tử thành phần, nhất là các chuyên mục hỗ trợ doanh nghiệp; nghiên cứu triển khai các giải pháp để kịp thời nắm bắt, tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp.

- Phát huy vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các hội thành viên trong việc làm cầu nối đại diện cho tiếng nói, lợi ích chính đáng, hợp pháp của các doanh nghiệp, kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp; tích cực, chủ động nghiên cứu triển khai các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của cộng đồng doanh nghiệp tỉnh thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Du lịch và cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập tổ chức Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch trực thuộc UBND tỉnh, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Thời hạn hoàn thành, trong quý III năm 2021.

#### **4. Nâng cao hiệu quả cải cách thể chế**

- Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung những điểm mới theo quy định của pháp luật để hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thu hút các nguồn lực, nhà đầu tư chiến lược, nguồn nhân lực chất lượng cao đến đầu tư kinh doanh và sinh sống tại tỉnh.

- Thực hiện phân cấp, uỷ quyền theo quy định của pháp luật nhất là các lĩnh vực về quản lý đất đai, môi trường, quy hoạch, xây dựng, đầu tư,...

#### **5. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ**

- Rà soát chặt chẽ, nâng cao chất lượng công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm hành chính công tỉnh, Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên tiếp xúc và làm việc trực tiếp với doanh nghiệp; nghiêm túc, kiên quyết thay thế những người không đủ năng lực, trình độ và phẩm chất; thực hiện nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương công chức trong thực thi công vụ.

- Từng cơ quan, đơn vị đưa nhiệm vụ tham mưu công tác về cải thiện chỉ số PCI là một trong những tiêu chí để hằng năm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ thực thi công vụ và xem xét đề xuất thi đua, khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể có đóng góp tích cực về cải thiện chỉ số PCI của tỉnh.

- Cán bộ, công chức, viên chức tăng cường tự bồi dưỡng, học hỏi và rèn luyện kỹ năng chuyên môn, nhất là trong công tác tham mưu cần phải kịp thời và chủ động hơn nữa để đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu của công việc.

#### **6. Cải thiện các chỉ số thành phần, chỉ tiêu cơ sở trong PCI Ninh Bình**

Thủ trưởng các Sở, ban ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm nâng cao điểm số, thứ hạng các chỉ số thành phần, chỉ tiêu cơ sở cơ quan, đơn vị được phân công đầu mối, chủ trì phụ trách, theo *Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo*

Các cơ quan, đơn vị được phân công đầu mối, chủ trì phụ trách các chỉ số thành phần chủ động triển khai bằng văn bản đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để phối hợp thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần và chỉ tiêu cơ sở đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả.

##### **a) Chỉ số thành phần “Chi phí gia nhập thị trường”**

- Đơn vị đầu mối chủ trì, theo dõi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các sở, ngành liên quan.

- Trách nhiệm các đơn vị:

(1) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Rà soát, nâng cao chất lượng phục vụ, hỗ trợ doanh nghiệp trong đăng ký doanh nghiệp, xác minh và giải quyết các yêu cầu của công dân, tổ chức và doanh

ng nghiệp, đảm bảo thời gian đăng ký và thời gian thay đổi đăng ký doanh nghiệp dưới 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Tăng cường công khai, minh bạch các TTHC có liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, quyết liệt ứng dụng CNTT nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; nâng cao trình độ, tinh thần thái độ phục vụ chuyên nghiệp cho đội ngũ cán bộ của sở làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

(2) Văn phòng UBND tỉnh thực hiện công khai, minh bạch các cơ chế chính sách, quy hoạch ngành, lĩnh vực; các dự án ưu tiên thu hút đầu tư trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh. Tăng cường phối hợp thực hiện dịch vụ bưu chính công ích kết nối với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trong việc nhận và trả kết quả tại nhà, tại trụ sở doanh nghiệp.

(3) Giao các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố: Tập trung giải quyết nhanh, dứt điểm các TTHC thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương phụ trách sau đăng ký thành lập doanh nghiệp để rút ngắn thời gian chính thức đi vào hoạt động cho doanh nghiệp như: Cấp các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy chứng nhận về an ninh trật tự, hộ chiếu, thẻ tạm trú cho lao động nước ngoài, đánh giá tác động môi trường,... đảm bảo không còn doanh nghiệp phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động.

#### ***b) Chỉ số thành phần “Tiếp cận đất đai”***

- Đơn vị đầu mối chủ trì, theo dõi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các sở, ngành liên quan.

- Trách nhiệm của các đơn vị:

##### **(1) Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Tập trung rà soát, đề xuất các giải pháp, quy trình nhằm rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp từ 30 ngày xuống còn dưới 20 ngày. Đồng thời, có biện pháp kiểm soát và khắc phục tình trạng nhieux của công chức, viên chức trong việc thực hiện các thủ tục về đất đai như: Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Công khai, minh bạch thông tin về giá đất, giá đất tạm tính (kèm hệ số điều chỉnh giá đất); cập nhật, bổ sung kế hoạch sử dụng đất hàng năm để giới thiệu, thu hút đầu tư, đặc biệt là các lĩnh vực mang lại hiệu quả kinh tế cao, thu hút nhiều lao động, phù hợp với định hướng phát triển của Tỉnh.

- Chủ động phối hợp với các địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện việc công khai quỹ đất sạch trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, trang Thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương; tháo gỡ và giải quyết hiệu quả khó khăn vướng mắc cho các địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tiếp cận đất đai.

##### **(2) UBND các huyện, thành phố**

- Thực hiện tốt công tác thu hồi đất, bồi thường và GPMB đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật và tôn trọng quyền lợi của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- Tập trung rà soát quỹ đất chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa đúng mục đích, hiệu quả sử dụng đất không cao; xây dựng phương án thu hồi và tạo quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư.

### ***c) Chỉ số thành phần “Tính minh bạch”***

- Đơn vị đầu mối chủ trì, theo dõi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Đơn vị phối hợp: Các Sở, ban, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thành phố.

- Trách nhiệm của các đơn vị:

#### **(1) Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác quy hoạch, khắc phục tình trạng chồng chéo, những bất cập trong việc thay đổi quy hoạch; chấm dứt việc giao cho doanh nghiệp làm quy hoạch. Thực hiện công khai, minh bạch thông tin về các quy hoạch đã được phê duyệt, danh mục dự án kêu gọi đầu tư, các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư; các thông tin về chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; thông tin mời thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

#### **(2) Văn phòng UBND tỉnh**

Tiếp tục hoàn thiện, đổi mới, nâng cao chất lượng nội dung, hình thức và khả năng tương tác của Cổng thông tin điện tử tỉnh và trang thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương để doanh nghiệp biết, truy cập tìm hiểu thông tin phục vụ cho định hướng phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thực hiện công bố, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin về TTHC, cách thức, quy trình thực hiện TTHC trên Cổng dịch vụ công và hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh; triển khai các giải pháp đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, nâng cao tỷ lệ hồ sơ TTHC sử dụng dịch vụ Bưu chính công ích.

#### **(3) Thanh tra tỉnh**

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức và công tác phòng, chống tham nhũng để hạn chế tối đa tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng “mối quan hệ” để có được các tài liệu của tỉnh, đảm bảo tính công bằng giữa các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh.

Tăng cường các kênh phát hiện thông tin, tiếp nhận ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế về tố cáo hành vi nhũng nhiễu và có cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ nhằm kiểm soát, ngăn chặn kịp thời hành vi có biểu hiện nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

#### **(4) Các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố**

- Công khai, minh bạch thông tin về các quy hoạch ngành do đơn vị mình phụ trách đã được UBND tỉnh phê duyệt; kế hoạch sử dụng đất, danh mục dự án kêu gọi

đầu tư; các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư; các thông tin về chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị

- Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu kịp thời cung cấp thông tin, trả lời kiến nghị của doanh nghiệp và người dân; thời gian trả lời kiến nghị của doanh nghiệp và người dân không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị.

- Thực hiện nghiêm quy định của Luật Đấu thầu về công khai thông tin mời thầu; Tăng cường công tác kiểm tra công vụ, phòng chống tham nhũng để hạn chế tối đa tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng “mối quan hệ” trong hoạt động kinh doanh.

#### (5) Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

Phát huy hơn nữa vai trò “cầu nối” giữa doanh nghiệp với chính quyền; tích cực tham gia phản biện chính sách của nhà nước và địa phương để bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh; chủ động đề xuất UBND tỉnh nội dung, kế hoạch đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

#### ***d) Chỉ số thành phần “Chi phí thời gian”***

- Đơn vị đầu mối chủ trì, theo dõi: Thanh tra tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Các Sở, ban, ngành, Văn phòng UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố.

- Trách nhiệm của các đơn vị:

##### (1) Thanh tra tỉnh

Thường xuyên rà soát, cập nhật, công khai kế hoạch thanh tra (trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất), kiểm tra doanh nghiệp để tránh trùng lặp, chồng chéo; đảm bảo nguyên tắc không thanh tra, kiểm tra quá 1 lần/doanh nghiệp/năm; không thanh tra, kiểm tra khi không có căn cứ theo quy định của pháp luật. Tăng cường các kênh phát hiện thông tin, tiếp nhận ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế về tổ cáo hành vi nhũng nhiễu và có cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ nhằm kiểm soát, ngăn chặn kịp thời hành vi có biểu hiện nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

##### (2) Văn phòng UBND tỉnh

- Tiếp tục theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị rà soát, đề xuất phương án đơn giản hoá TTHC; cắt giảm quy trình, thời gian giải quyết TTHC, chuẩn hóa quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC; kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định, TTHC không còn phù hợp, gây phiền hà, làm lãng phí thời gian và tăng chi phí của doanh nghiệp.

- Thực hiện cập nhật, công khai đầy đủ, kịp thời danh mục, quy trình giải quyết TTHC, đẩy mạnh việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; triển khai thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, sớm đưa Trung tâm trở thành hạt nhân trong tiến trình chuyển đổi số, hướng tới Chính quyền số.

##### (3) Sở Nội vụ

- Tổ chức điều tra xã hội học lấy ý kiến của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước nhằm ghi nhận những phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

#### (4) Cục thuế tỉnh

Tiếp tục cải tiến quy trình, thủ tục nhằm rút ngắn thời gian làm việc cho doanh nghiệp khi cơ quan Thuế thực hiện thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế; tăng cường các biện pháp ngăn ngừa để không xảy ra tình trạng nhũng nhiễu, thông đồng, thương lượng với doanh nghiệp trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ.

#### (5) Các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố

Tăng cường phối hợp trong việc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; có cơ chế kiểm soát, ngăn ngừa cán bộ, công chức lợi dụng thanh tra, kiểm tra để nhũng nhiễu, gây bức xúc cho doanh nghiệp.

#### ***d) Chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức”***

- Đơn vị đầu mối chủ trì, theo dõi: Thanh tra tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan Hà Nam Ninh và UBND các huyện, thành phố.

- Trách nhiệm của các đơn vị:

##### (1) Thanh tra tỉnh

Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, kiên quyết tham mưu xử lý những cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ được giao có hành vi, biểu hiện nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp và người dân khi thực hiện các TTHC, giải quyết các công việc liên quan.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong trong công tác tham mưu, đề xuất thuộc lĩnh vực phụ trách, hạn chế sự chông chéo, đùn đẩy, tạo cơ hội hình thành các tiêu cực, nhũng nhiễu.

- Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo các hành vi tham nhũng, sách nhiễu, thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc, gây khó khăn, thiệt hại cho doanh nghiệp.

##### (2) Văn phòng UBND tỉnh

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công để kịp thời phát hiện và đề nghị các sở, ban, ngành thay thế những cán bộ, công chức, viên chức phẩm chất kém, năng lực yếu, có hành vi, biểu hiện, phản ánh về nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; đẩy mạnh triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ, nhất là các hồ sơ TTHC thuộc lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh liên quan tới doanh nghiệp.

##### (3) Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố



- Thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ được giao gây khó khăn cho doanh nghiệp; chú trọng công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là những người trực tiếp giải quyết các thủ tục cho doanh nghiệp.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác tham mưu, đề xuất thuộc lĩnh vực phụ trách hạn chế sự chông chéo, đùn đẩy, tạo cơ hội hình thành các tiêu cực, những nhiễu.

***e) Chỉ số thành phần “Cạnh tranh bình đẳng”***

- Đơn vị đầu mối chủ trì, theo dõi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, Cục Thuế tỉnh, các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Ngân hàng nhà nước tỉnh, Ban quản lý các KCN tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan.

- Trách nhiệm của các đơn vị:

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Cục Thuế tỉnh, các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng và UBND các huyện, thành phố kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng “mối quan hệ” để có được những ưu đãi đặc biệt, chính sách riêng (như: hợp đồng kinh tế; khai thác tài nguyên; đấu thầu, chỉ định thầu; giao, cho thuê đất đầu tư, sản xuất kinh doanh,...) nhằm tạo môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

***f) Chỉ số thành phần “Tinh năng động của chính quyền tỉnh”***

- Đơn vị đầu mối chủ trì, theo dõi: Văn phòng UBND tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan.

- Trách nhiệm của các đơn vị:

**(1) Văn phòng UBND tỉnh**

- Công khai minh bạch các quy hoạch, kế hoạch của tỉnh, các văn bản pháp lý cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu tiếp cận một cách công bằng các văn bản văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách của tỉnh. Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả về nội dung, hình thức, mức độ tiện dụng của Cổng Thông tin điện tử tỉnh trong việc cung cấp thông tin và tương tác với doanh nghiệp.

- Nâng cao chất lượng tham mưu tổng hợp, giúp Lãnh đạo UBND tỉnh trong chỉ đạo điều hành việc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; theo dõi, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước và chỉ đạo của UBND tỉnh; đảm bảo sự nhất quán trong thực hiện chủ trương, chính sách từ tỉnh đến cơ sở cho doanh nghiệp.

- Chủ động phối hợp với các ngành, các cấp trong việc giải quyết các yêu cầu, đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp; đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm tạo lập môi trường đầu tư “minh bạch, thông thoáng, năng động, thân thiện”.

## (2) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh kế hoạch tổ chức các chương trình đối thoại giữa Lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp, tối thiểu 02 lần/năm để lắng nghe, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; qua đó, gây dựng tình cảm gắn kết, đồng hành giữa chính quyền địa phương với doanh nghiệp. Trước mắt tham mưu để lãnh đạo UBND tỉnh tổ chức hội nghị gặp mặt doanh nghiệp vào tháng 6 năm 2021.

## (3) Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố

- Chủ động giải quyết công việc theo thẩm quyền; không đùn đẩy trách nhiệm và phát huy tính năng động, tiên phong, sáng tạo của lãnh đạo các cấp trong thực thi các chính sách pháp luật nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp.

- Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu trong việc tháo gỡ khó khăn, tổ chức triển khai thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và chỉ đạo của UBND tỉnh nhằm tạo lập môi trường đầu tư “minh bạch, thông thoáng, năng động, thân thiện” cho doanh nghiệp.

### ***g) Chỉ số thành phần “Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp”***

- Đơn vị đầu mối chủ trì, theo dõi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Đơn vị phối hợp: Các Sở: Công thương, Tài chính, Tư pháp, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan.
- Trách nhiệm của các đơn vị:

## (1) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện có hiệu quả Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2021 và những năm tiếp theo; kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh ban hành danh mục dự án ưu tiên và kêu gọi thu hút đầu tư tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 - 2025 theo định hướng thu hút đầu tư của tỉnh.

## (2) Sở Công Thương

- Nâng cao số lượng, chất lượng và tổ chức hiệu quả các hội chợ thương mại tại tỉnh, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thông tin thị trường, tìm kiếm đối tác kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện có hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại, phát triển thương mại điện tử.

- Rà soát danh mục doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ, khảo sát nhu cầu sử dụng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của cộng đồng doanh nghiệp, từ đó làm cơ sở để tổ chức các hoạt động giới thiệu, thông tin và kết nối giữa nhà cung cấp dịch vụ về xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác kinh doanh, tìm kiếm thông tin thị trường với doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng dịch vụ; phối hợp với các cơ quan liên quan trong hoạt động giới thiệu, thông tin và kết nối giữa nhà cung cấp dịch vụ về tư vấn pháp lý, đào tạo quản trị kinh doanh, kế toán tài chính với doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng dịch vụ.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành hệ thống kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư.

(3) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Văn phòng UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố

Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cải cách hành chính gắn với văn hóa công vụ và các nội dung đổi mới trong thực hiện dịch vụ công mức độ 3,4 cho cán bộ, công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả tại các huyện, thành phố.

#### (4) Sở Tư pháp

Tiếp tục tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như: Tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp, giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp, tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật; đổi mới công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo hướng hiệu quả, thiết thực; hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ dịch vụ pháp lý.

#### (5) Sở Khoa học và Công nghệ

Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thống kê các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ; kiên quyết loại bỏ các công nghệ, thiết bị, máy móc lạc hậu, tiêu tốn năng lượng gây ảnh hưởng đến môi trường; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đến các doanh nghiệp.

(6) Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các đài truyền thanh cấp huyện đẩy mạnh tuyên truyền về dịch vụ công mức độ 3,4 tới người dân, doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, đảm bảo công khai, minh bạch về TTHC.

#### ***h) Chỉ số thành phần “Đào tạo lao động”***

- Đơn vị đầu mối chủ trì, theo dõi: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.
- Đơn vị phối hợp: Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan.

- Trách nhiệm của các đơn vị:

##### (1) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền về đào tạo nghề nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, ngành, địa phương đối với công tác giáo dục nghề nghiệp, giúp người sử dụng lao động thấy được quyền lợi của mình trong việc sử dụng lao động đã qua đào tạo.

- Đẩy mạnh gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, huy động các doanh nghiệp tham gia dạy nghề; nâng cao chất lượng đào tạo tại nghề nghiệp nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

- Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, việc làm, thông tin cung - cầu nhân lực; thường xuyên theo dõi, đánh giá những thay đổi về xu hướng việc làm và ngành nghề đào tạo trong bối cảnh cuộc cách mạng lần thứ tư để kịp thời điều chỉnh công tác giải quyết việc làm, giáo dục nghề nghiệp theo sự thay đổi của thị trường lao động.

- Chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, tăng cường đối thoại để tìm hiểu nhu cầu của doanh nghiệp, kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp trong tuyển dụng, đào tạo lao động.

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng xã hội hoá; nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Rà soát, tham mưu ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ công tác đào tạo nghề nghiệp trong giai đoạn mới theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, hội nhập quốc tế.

## (2) Sở Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025 trên địa bàn tỉnh; chú trọng hướng nghiệp cho đối tượng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

### ***1) Chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự”***

- Đơn vị đầu mối chủ trì, theo dõi: Sở Tư pháp.

- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án và UBND các huyện, thành phố, các cơ quan liên quan.

- Trách nhiệm của các đơn vị:

#### (1) Sở Tư pháp

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đa dạng hóa hình thức phổ biến kiến thức về đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cho cộng đồng doanh nghiệp; nhằm nâng cao nhận thức về pháp luật của người đại diện pháp luật doanh nghiệp để chủ động bảo vệ quyền lợi của mình.

#### (2) Công An tỉnh

Tăng cường công tác phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trên địa bàn; hạn chế đến mức thấp nhất hoặc không để tình trạng trộm cắp xảy ra trong các doanh nghiệp, tạo môi trường an ninh, an toàn, lành mạnh; hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết hiệu quả các vụ mất trộm tài sản nếu xảy ra; không hình sự hóa các quan hệ kinh tế để doanh nghiệp an tâm sản xuất, kinh doanh và đầu tư; không để xảy ra tình trạng bảo kê, hoạt động kiểu xã hội đen trong các doanh nghiệp.

(3) Tòa án nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và các đơn vị có liên quan tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp, rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp, phán quyết công bằng, đúng pháp luật để cộng đồng doanh nghiệp tin tưởng, tôn trọng sự bảo vệ của pháp luật.

#### (4) Cục Thi hành án dân sự tỉnh

Tổ chức công tác thi hành án có hiệu quả đối với các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, trong đó ưu tiên nguồn lực cho việc tổ chức thi hành án liên quan đến các doanh nghiệp, nhà đầu tư và các tổ chức tín dụng, ngân hàng, đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, phấn đấu đạt bằng hoặc vượt mục tiêu về thứ hạng các chỉ số thành phần, chỉ tiêu cơ sở của PCI tỉnh Ninh Bình đề ra tại Kế hoạch này. Căn cứ

chức năng, nhiệm vụ được giao, bám sát các yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Kế hoạch, khẩn trương xây dựng kế hoạch cụ thể của cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện. Tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện các chỉ số thành phần, chỉ tiêu cơ sở cơ quan, đơn vị mình phụ trách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến đơn vị mình.

2. Chế độ báo cáo: Định kỳ 06 tháng và năm báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần, chỉ tiêu cơ sở do đơn vị phụ trách về UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 15/6 và 15/12; Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30/6 và 31/12.


### 3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này; Tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan được giao phụ trách các chỉ số thành phần, chỉ tiêu cơ sở, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan dự toán kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch.

4. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan thẩm định, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành.

5. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tích cực hợp tác, tăng cường đối thoại với các cấp chính quyền; hiến kế cho tỉnh trong việc cải cách chỉ số PCI, góp phần xây dựng bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh thân thiện và đồng hành cùng doanh nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 98-NQ/BCSD ngày 24/5/2021 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2021 và những năm tiếp theo; UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện./. 

### Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (B/c);
- Phòng TM&CN Việt nam (VCCI);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy; HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các huyện, thành ủy; Đảng ủy Khối CQDN;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Các VP, Trung tâm thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TT PVHCC.

QP\_PVHCC\_02KH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Quang Ngọc**

**PHỤ LỤC: 01****PHẠM VI CÔNG MIỆM VỤ ĐẦU MỐI CHỦ TRÌ, PHỤ TRÁCH CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN  
MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU NĂM 2021, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025***(Kèm theo Kế hoạch số 30...../KH-UBND ngày 08./6/2021 của UBND tỉnh)*

STT	Chỉ số	Thời gian năm 2020	Mục tiêu năm ★ 2021	Định hướng năm 2025	Cơ quan đầu mối, chủ trì, phụ trách chỉ số	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
1	Gia nhập thị trường	50	≤ 35	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các sở, ngành liên quan	
2	Tiếp cận đất đai	23	≤ 20	≤ 15	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các KCN tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các sở, ngành liên quan	
3	Tính minh bạch	62	≤ 35	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thành phố	
4	Chi phí thời gian	38	≤ 35	≤ 20	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành, Văn phòng UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố	
5	Chi phí không chính thức	23	≤ 20	≤ 15	Thanh tra tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan Hà Nam Ninh và UBND các huyện, thành phố	
6	Cạnh tranh bình đẳng	22	≤ 20	≤ 15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh, Cục Thuế tỉnh, các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Ngân hàng nhà nước tỉnh, Ban quản lý các KCN tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	
7	Tính năng động của chính quyền tỉnh	41	≤ 35	≤ 20	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	
8	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	63	≤ 35	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các Sở: Công thương, Tài chính, Tư pháp, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	
9	Đào tạo lao động	8	≤ 10	≤ 10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	
10	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	17	≤ 15	≤ 10	Sở Tư pháp	Công an tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh, Viện kiểm soát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án và UBND các huyện, thành phố, các cơ quan liên quan	



**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHỦ TRÌ, PHỤ TRÁCH CÁC CHỈ TIÊU CƠ SỞ  
CỦA CHỈ SỐ PCI VÀ MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU NĂM 2021, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025**  
theo Kế hoạch số 20...../KH-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh)

STT		Thứ hạng năm 2020	Mục tiêu năm 2021	Định hướng năm 2025	Đơn vị phụ trách Chỉ số/Chỉ tiêu	Đơn vị phối hợp
<b>I.</b>	<b>CHỈ SỐ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG</b>	<b>50</b>	<b>≤ 35</b>	<b>≤ 20</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	<b>Các đơn vị liên quan</b>
1	Số ngày đăng ký doanh nghiệp (trung vị)*	26	≤ 25	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh
2	Số ngày thay đổi ĐKDN (trung vị)*	33	≤ 30	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố
3	Phải chờ hơn 1 tháng hoàn thành các thủ tục để chính thức hoạt động (% DN)*	22	≤ 20	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh
4	Phải chờ hơn 3 tháng hoàn thành các thủ tục để chính thức hoạt động (% DN)*	1	≤ 5	≤ 5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh
5	Tỷ lệ DN đăng ký kinh doanh qua phương thức trực tuyến, TTHCC, bưu điện (%)	59	≤ 35	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố
6	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Thủ tục được niêm yết công khai (%)	60	≤ 35	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ (%)	54	≤ 35	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố
8	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ am hiểu chuyên môn (%)	7	≤ 10	≤ 10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố
9	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ nhiệt tình, thân thiện (%)	11	≤ 11	≤ 10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Ứng dụng CNTT tốt (%)	52	≤ 35	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh
<b>II.</b>	<b>CHỈ SỐ TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI</b>	<b>23</b>	<b>≤ 20</b>	<b>≤ 15</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>Các đơn vị liên quan</b>
1	Tỷ lệ DN có mặt bằng kinh doanh và có GCNQSDĐ (%)	13	≤ 15	≤ 10	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố
2	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị) *	24	≤ 20	≤ 15	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố

STT	Tiêu chí	Thứ hạng năm 2020	Mục tiêu năm 2021	Định hướng năm 2025	Đơn vị phụ trách Chỉ số/Chỉ tiêu	Đơn vị phối hợp
3	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao) *	8	≤ 10	≤ 10	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố
4	DN không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	31	≤ 20	≤ 15	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan, Văn phòng UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố
5	Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%) *	18	≤ 20	≤ 15	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố
6	Giải phóng mặt bằng chậm (%) *	28	≤ 20	≤ 15	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố
7	Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng (%) *	33	≤ 20	≤ 15	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thành phố
8	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (%)	35	≤ 20	≤ 15	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố
9	Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường (%)	33	≤ 20	≤ 15	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan, Văn phòng UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố
10	DN thực hiện TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn (%)	25	≤ 20	≤ 15	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan, Văn phòng UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố
11	Không có GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/cản bộ những nhiều (%) *	33	≤ 20	≤ 15	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố
<b>III. CHỈ SỐ TỈNH MINH BẠCH</b>		<b>62</b>	<b>≤ 35</b>	<b>≤ 20</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	<b>Các đơn vị liên quan</b>
1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	57	≤ 35	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
2	Thông tin mời thầu được công khai (%)	9	≤ 10	≤ 10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
3	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (%)	25	≤ 25	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
4	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	60	≤ 35	≤ 20	Sở Tư pháp	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
5	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (%)	56	≤ 35	≤ 20	Sở Tài chính	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố



STT	Tiêu chí	Thứ hạng năm 2020	Mục tiêu năm 2021	Định hướng năm 2025	Đơn vị phụ trách Chỉ số/Chỉ tiêu	Đơn vị phối hợp
6	Tỉ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%)	60	≤ 35	≤ 20	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
7	Số ngày đề nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp (trung vị)	42	≤ 30	≤ 20	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
8	Thỏa thuận' khoản thuế phải nộp với CB thuế là công việc quan trọng(%)	22	≤ 22	≤ 20	Thanh tra tỉnh	Công an tỉnh, Cục thuế tỉnh
9	Dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QĐPL của TW (% chắc chắn)	39	≤ 35	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
10	HHDN có vai trò quan trọng trong xây dựng chính sách, quy định của tỉnh (%)	41	≤ 25	≤ 20	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
11	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh	53	≤ 35	≤ 20	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
12	Tỉ lệ DN truy cập vào website của tỉnh (%)	62	≤ 35	≤ 20	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
<b>IV.</b>	<b>CHỈ SỐ CHI PHÍ THỜI GIAN</b>	<b>38</b>	<b>≤ 35</b>	<b>≤ 20</b>	<b>Thanh tra tỉnh</b>	<b>Các đơn vị liên quan</b>
1	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QĐPL *	2	≤ 10	≤ 10	Sở Tư pháp	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
2	Cán bộ nhà nước thân thiện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	34	≤ 30	≤ 20	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
3	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	27	≤ 25	≤ 20	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
4	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định(%)	25	≤ 20	≤ 20	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
5	Tỉ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm (%)	54	≤ 35	≤ 20	Thanh tra tỉnh	Cục thuế tỉnh, Công an tỉnh, các cơ quan liên quan
6	Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	38	≤ 30	≤ 20	Thanh tra tỉnh	Cục thuế tỉnh, Công an tỉnh, các cơ quan liên quan
7	Số giờ trung vị cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	27	≤ 25	≤ 20	Thanh tra tỉnh	Cục thuế tỉnh, Công an tỉnh, các cơ quan liên quan
8	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (%)	44	≤ 35	≤ 20	Sở Nội vụ	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố

STT	Tiêu chí	Thứ hạng năm 2020	Mục tiêu năm 2021	Định hướng năm 2025	Đơn vị phụ trách Chỉ số/Chỉ tiêu	Đơn vị phối hợp
9	DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (%)	14	$\leq 15$	$\leq 15$	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
10	Phí, lệ phí được công khai (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	49	$\leq 35$	$\leq 20$	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
11	Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều DN(%)	61	$\leq 40$	$\leq 20$	Thanh tra tỉnh	Cục thuế tỉnh, Công an tỉnh, các cơ quan liên quan
<b>V.</b>	<b>CHỈ SỐ CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC</b>	<b>23</b>	<b><math>\leq 20</math></b>	<b><math>\leq 15</math></b>	<b>Thanh tra tỉnh</b>	<b>Các đơn vị liên quan</b>
1	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% Đồng ý)	25	$\leq 20$	$\leq 15$	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
2	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (%luôn luôn/hầu hết)	11	$\leq 10$	$\leq 10$	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
3	Tình trạng những nhiều khi giải quyết TTHC cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	47	$\leq 25$	$\leq 15$	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
4	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	51	$\leq 25$	$\leq 15$	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
5	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra(%)	17	$\leq 15$	$\leq 15$	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
6	% DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	6	$\leq 10$	$\leq 5$	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
7	Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý)	4	$\leq 5$	$\leq 5$	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
8	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đắt dai (%)	58	$\leq 20$	$\leq 15$	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
9	DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến (%)	49	$\leq 30$	$\leq 20$	Thanh tra tỉnh	Công an tỉnh, Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh, Tòa án tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
<b>VI.</b>	<b>CHỈ SỐ CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG</b>	<b>22</b>	<b><math>\leq 20</math></b>	<b><math>\leq 15</math></b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	<b>Các đơn vị liên quan</b>
1	Việc tinh ưu ái cho các DNNN gây khó khăn cho DN" (% Đồng ý)	26	$\leq 20$	$\leq 15$	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan

STT	Tiêu chí	Thứ hạng năm 2020	Mục tiêu năm 2021	Định hướng năm 2025	Đơn vị phụ trách Chỉ số/Chỉ tiêu	Đơn vị phối hợp
2	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	48	≤ 20	≤ 15	Sở Tài nguyên và môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
3	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý)	37	≤ 30	≤ 15	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan
4	DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	29	≤ 25	≤ 15	Văn phòng UBND tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan
5	DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý)	32	≤ 30	≤ 15	Văn phòng UBND tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan
6	Tính ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân (% đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	12	≤ 10	≤ 10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan
7	DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	40	≤ 20	≤ 15	Sở Tài nguyên và môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
8	DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN(% Đồng ý)	46	≤ 20	≤ 15	Cục thuế tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan
9	Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ	5	≤ 10	≤ 10	Sở Tài nguyên và môi trường	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan
10	DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% Đồng ý)	49	≤ 20	≤ 15	Sở Tài nguyên và môi trường	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan
11	Tính ưu tiên giải quyết các vấn đề, khó khăn cho DN nước ngoài hơn là DN trong nước (% đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	48	≤ 20	≤ 15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan
12	Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	23	≤ 20	≤ 15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan
13	Hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn từ tỉnh (% đồng ý)	29	≤ 20	≤ 15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan
14	Ưu đãi với các công ty lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân DN (% đồng ý)	48	≤ 20	≤ 15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan
<b>VII. CHỈ SỐ TÍNH NĂNG ĐỘNG</b>		<b>41</b>	<b>≤ 35</b>	<b>≤ 20</b>	<b>Văn phòng UBND tỉnh</b>	<b>Các đơn vị liên quan</b>
1	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	26	≤ 25	≤ 20	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
2	UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	29	≤ 25	≤ 20	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố

STT	Tiêu chí	Thứ hạng năm 2020	Mục tiêu năm 2021	Định hướng năm 2025	Đơn vị phụ trách Chỉ số/Chỉ tiêu	Đơn vị phối hợp
3	Cảm nhận của DN về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân (% Tích cực hoặc Rất tích cực)	18	≤ 20	≤ 20	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
4	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% lựa chọn)	22	≤ 20	≤ 20	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
5	Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua Đối thoại DN (%)	43	≤ 35	≤ 20	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
6	Tỉ lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tỉnh (%)	1	≤ 10	≤ 10	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
7	Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	29	≤ 25	≤ 20	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
8	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	32	≤ 30	≤ 20	Văn phòng UBND tỉnh	UBND các huyện, thành phố
9	DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc (%)	63	≤ 40	≤ 20	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố
<b>VIII. CHỈ SỐ DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP</b>		<b>63</b>	<b>≤ 35</b>	<b>≤ 20</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	<b>Các đơn vị liên quan</b>
1	Tỉ lệ DN cung cấp dịch vụ trên tổng số DN (%)	55	≤ 35	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Tỉ lệ DN cung cấp dịch vụ tư nhân và FDI trên tổng DN cung cấp dịch vụ (%)	53	≤ 35	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND các huyện, thành phố, Ban quản lý các KCN và các cơ quan liên quan
3	DN đã từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	42	≤ 35	≤ 20	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan
4	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	10	≤ 10	≤ 10	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan
5	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	2	≤ 10	≤ 10	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan
6	DN đã từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	46	≤ 35	≤ 20	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan
7	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	24	≤ 24	≤ 20	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính, các cơ quan liên quan

STT	Tiêu chí	Thứ hạng năm 2020	Mục tiêu năm 2021	Định hướng năm 2025	Đơn vị phụ trách Chỉ số/Chỉ tiêu	Đơn vị phối hợp
8	DN đã từng sử dụng dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	24	≤ 24	≤ 20	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan
9	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	30	≤ 30	≤ 20	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
10	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký tổ chức cho năm nay (Bộ Công Thương)	59	≤ 35	≤ 20	Sở Công thương	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
11	DN đã từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%)	44	≤ 35	≤ 20	Sở Tư pháp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
12	DN đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho việc tư vấn về pháp luật (%)	16	≤ 15	≤ 15	Sở Tư pháp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
13	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	49	≤ 35	≤ 20	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan
14	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật (%)	55	≤ 35	≤ 20	Sở Tư pháp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
15	DN đã từng sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	48	≤ 35	≤ 20	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan
16	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	44	≤ 35	≤ 20	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan
17	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	16	≤ 15	≤ 15	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan
18	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	58	≤ 35	≤ 20	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan
19	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	47	≤ 35	≤ 20	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan
20	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	63	≤ 35	≤ 20	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan
21	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	50	≤ 35	≤ 20	Sở Lao động, thương binh và xã hội	Sở Tài chính, các cơ quan liên quan
22	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	60	≤ 35	≤ 20	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính, các cơ quan liên quan
23	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	48	≤ 35	≤ 20	Sở Lao động, thương binh và xã hội	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan

STT	Tiêu chí	Thứ hạng năm 2020	Mục tiêu năm 2021	Định hướng năm 2025	Đơn vị phụ trách Chỉ số/Chỉ tiêu	Đơn vị phối hợp
24	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	60	≤ 35	≤ 20	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
<b>IX.</b>	<b>CHỈ SỐ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG</b>	<b>8</b>	<b>≤ 10</b>	<b>≤ 10</b>	<b>Sở Lao động, Thương binh và Xã hội</b>	<b>Các đơn vị liên quan</b>
1	Tỷ lệ DN đánh giá Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng Tốt (%)	8	≤ 8	≤ 5	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Tỷ lệ DN đánh giá Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng Tốt (%)	15	≤ 15	≤ 10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan
3	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	8	≤ 8	≤ 8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
4	% tổng chi phí kinh doanh dành cho tuyển dụng lao động	18	≤ 15	≤ 10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
5	Mức độ hài lòng với lao động (% đồng ý rằng lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN)	8	≤ 8	≤ 5	Sở Lao động, thương binh và xã hội	UBND huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
6	DN từng sử dụng dịch vụ Giới thiệu việc làm (GTVL) tại tỉnh (%)	38	≤ 35	≤ 10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
7	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	61	≤ 35	≤ 10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
8	% tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động	31	≤ 30	≤ 10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
9	Tỉ lệ lao động qua đào tạo/số lao động chưa qua đào tạo (%) (BLĐT BXH)	12	≤ 12	≤ 10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
10	Tỉ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động (%) (BLĐT BXH)	1	≤ 1	≤ 5	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN	61	≤ 35	≤ 20	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
<b>X.</b>	<b>CHỈ SỐ THIẾT CHẾ PHÁP LÝ VÀ AN NINH TRẬT TỰ</b>	<b>17</b>	<b>≤ 15</b>	<b>≤ 10</b>	<b>Sở Tư pháp</b>	<b>Các đơn vị liên quan</b>
1	DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (% có)	10	≤ 10	≤ 10	Tòa án nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	7	≤ 10	≤ 10	Tòa án nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
3	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	12	≤ 12	≤ 10	Tòa án nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan

STT	Tiêu chí	Thứ hạng năm 2020	Mục tiêu năm 2021	Định hướng năm 2025	Đơn vị phụ trách Chỉ số/Chỉ tiêu	Đơn vị phối hợp
4	Các CQ trợ giúp pháp lý tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng để khởi kiện (%)	8	≤ 15	≤ 10	Sở Tư pháp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
5	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý/100 doanh nghiệp (Tòa án Tối cao)	42	≤ 30	≤ 10	Tòa án nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
6	Tỉ lệ % nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh	59	≤ 35	≤ 10	Tòa án nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
7	Tỷ lệ vụ việc kinh tế đã được giải quyết trong năm (%)	20	≤ 20	≤ 10	Tòa án nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
8	Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt (%)	1	≤ 5	≤ 5	Công an tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
9	Phải trả tiền "bảo kê" cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	1	≤ 5	≤ 5	Công an tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
10	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	40	≤ 30	≤ 10	Tòa án nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
11	Phán quyết của toà án là công bằng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	33	≤ 30	≤ 10	Tòa án nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
12	Tỉ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%)	18	≤ 18	≤ 10	Công an tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
13	Tín tưởng HTPL sẽ đảm bảo quyền tài sản/thực thi hợp đồng của DN(%)	51	≤ 15	≤ 10	Sở Tư pháp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
14	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	28	≤ 15	≤ 10	Sở Tư pháp	Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
15	Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN(%)	43	≤ 30	≤ 10	Sở Nội vụ	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
16	Các chi phí chính thức và không chính thức là chấp nhận được khi GQTC qua Tòa án (%) (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	21	≤ 20	≤ 10	Thanh tra tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
17	CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản(%)	42	≤ 30	≤ 10	Công an tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan